TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS - ST
Ngày: 19 - 4 -2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Sơn;

2. Ông Hoàng Thanh Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX - ST ngày 17 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST - DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1971 và chị Hoàng Thị V, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: Thôn 7, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021, Bản tự khai ngày 17/11/2021, ngày 02/12/2021 và tại phiên toà nguyên đơn anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V trình bày:

Trong năm 2021, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L, cư trú tại thôn R, xã V, huyện B đến liên hệ mua vật liệu tại Cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng (VLXD)

của vợ chồng anh H, chị V. Cụ thể các lần mua sắt thép và xi măng để xây nhà, như sau:

Lần 1. Trong tháng 01/2021: Mua các loại sắt để thi công = 45.000.000đ (VNĐ) và 10 tấn xi măng Sông Gianh = 15.000.000đ (VNĐ) => Tổng đợt 1: 60.000.000đ (VNĐ) và đã thanh toán đủ.

Lần 2. Trong tháng 02/2021: Mua 8 tấn Xi măng SCG Superer trị giá 12.000.000đ (VNĐ) và đến nay chưa thanh toán.

Chứng từ: Ghi trong sổ bán hàng của anh H và chị V còn nợ 8 tấn xi măng với số tiền 12.000.000đ (có chữ ký của anh Q). Trong quá trình thi công, có sự cố kỷ thuật "bị nứt nhiều trên mái trần nhà sau khi dùng Xi măng SCG Superer để đổ mái". Anh H và chị V đã trực tiếp báo cáo với Công ty cổ phần Xi măng Sông Gianh và yêu cầu phòng KCS đến kiểm tra, giám định chất lượng xi măng hiện trường để có kết luận thông báo trả lời anh Q, chị L và anh H và chị V được biết.

Trong văn bản xử lý khiếu nại của khách hàng ngày 26/02/2021 Phòng KCS Nhà máy Xi măng Sông Gianh có ghi: "Chất lượng xi măng...của quý khách hàng có chất lượng tốt, phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn sản phẩm được công bố hợp chuẩn và hợp quy". Như vậy sự cố rạn nứt mái trần nhà anh Q, chị L không phải do chất lượng xi măng sử dụng thi công mà do kỹ thuật thi công. Tuy nhiên đến nay đã qua hơn 6 tháng, công trình thi công làm nhà anh Q và chị L đã hoàn tất nhưng anh Q và chị L chưa hoàn trả số tiền còn thiếu nợ 12 triệu đồng cho anh H, chị V và cố tình kéo dài việc hoàn trả. Vì vậy anh H và chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch giải quyết buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L trả cho anh H và chị V số tiền mua xi măng còn nợ 12.000.000 đồng và tiền lãi 0,8%/tháng tính từ ngày 26/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/4/2022 là 14 tháng 10 ngày.

Tại đơn khiếu nại ngày 05/11/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H, chị V với lý do: Tháng 10 năm 2020 anh Q thi công làm nhà 120m^2 trị giá 800.000.000đ đến 1.000.000.000đ, anh Q đã lấy toàn bộ vật liệu xây dựng ở anh H và đã thanh toán đầy đủ cho anh H. Sau đó anh Q lấy 8 tấn xi măng SCG để đổ nhà vì anh H tư vấn cam kết xi măng chất lượng tốt và bảo hành 05 năm. Tuy nhiên khi anh Q sử dụng xi măng SCG để đổ nhà xong thì phát hiện nhiều dấu nứt các phòng ngủ, phòng khách, nhà tắm, nhà bếp. Ban đầu thì thấm nhẹ nhưng càng lâu thì càng nhiều và rộng, có nhiều chỗ nước giọt xuống nhà. Sau khi xảy ra sự việc, anh Q đã gọi điện trực tiếp cho gia đình anh H và chị V sang xem và để giải quyết sự việc nhưng anh H và chị V nghe máy mà không sang. Do đó anh Q không đồng ý thanh toán cho vợ chồng anh H và chị V số tiền mua xi măng còn nợ lại 12.000.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị L cố tình không hợp tác với Tòa án, không gửi văn bản phản hồi việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp lời khai cho tòa án, bị đơn cũng không nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt. Việc cấp, gửi Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Thông báo phiên tòa được thực hiện

theo đúng quy định tại của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị L cũng không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn đã được Tòa án tống đạt các thông báo tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng cố tình vắng mặt không nêu rõ lý do. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục xét xử theo quy định của pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định, Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về nội dung: Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 12.000.000 đồng tiền nợ phát sinh từ việc mua bán hàng hóa và tiền lãi phát sinh; bị đơn thừa nhận nợ gốc nhưng không đồng ý trả vì cho rằng xi măng không đạt chất lượng. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đưa ra được các chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V yêu cầu Toà án buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L trả số tiền 12.000.000 đồng và mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp, là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền mua xi măng còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L là bị đơn đang cư trú tại thôn R, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tham gia phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L.

Về nội dung vụ án:

[1] Nguyên đơn anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V yêu cầu anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L trả cho anh H và chị V số tiền mua xi măng còn thiếu nợ 12.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 0,8%/tháng. Bị đơn anh Q thừa nhận có lấy 08 tấn xi măng của anh H và chị V với số tiền 12.000.000 đồng để đổ nhà tuy nhiên bị đơn anh Q không đồng ý trả tiền với lý do xi măng không đạt yêu cầu khi thi công dẫn đến nhiều dấu nứt các phòng ngủ, phòng khách, nhà tắm, nhà bếp. Như vậy có đủ cơ sở để xác định việc mua bán xi măng giữa anh H, chị V và anh Q, chị L và đến thời điểm hiện nay anh Q, chị L chưa trả tiền mua xi măng cho anh H, chị V là có thật.

[2] Quá trình thi công anh Nguyễn Văn Q cho rằng xi măng không đạt yêu cầu đã báo trực tiếp cho anh H, chị V để được giải quyết. Sau đó anh H và chị V đã trực tiếp báo cáo với Công ty cổ phần Xi măng Sông Gianh và yêu cầu phòng KCS đến kiểm tra, giám định chất lượng xi măng hiện trường để có kết luận thông báo trả lời anh Q, chị L và anh H và chị V được biết. Trong văn bản xử lý khiếu nại của khách hàng ngày 26/02/2021 Phòng KCS Nhà máy Xi măng Sông Gianh có ghi: "Chất lượng xi măng...của quý khách hàng có chất lượng tốt, phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn sản phẩm được công bố hợp chuẩn và hợp quy". Sau khi có kết luận Công ty cổ phần Xi măng Sông Gianh đã gửi văn bản kết quả cho anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L nhưng từ đó đến nay không thấy anh Q, chị L có khiếu nại hay phản hồi bằng văn bản đối với kết luận của công ty.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Toà án cũng đã có văn bản thông báo yêu cầu anh Q, chị L bổ sung các tài liệu, chứng cứ chứng minh nguyên nhân công trình bị nứt là do dùng xi măng SCG của Công ty cổ phần Xi măng Sông Gianh nhưng anh Q, chị L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L phải thanh toán nợ gốc 12.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Quá trình mua bán tài sản các bên không thoả thuận về mức lãi suất chậm trả, tuy nhiên do phía bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi mua tài sản nên khi xảy ra tranh chấp nguyên đơn anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V yêu cầu mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ 0,8%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc anh Q và chị L phải trả cho anh H và chị V toàn bộ số tiền 12.000.000 đồng tiền mua xi măng và tiền lãi trên số nợ gốc theo mức 0,8%/tháng, tính từ ngày 26/01/2021 đến ngày 19/4/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 14 tháng 10 ngày = 12.000.000 đồng x 0,8% x 14 tháng 10 ngày = 1.376.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 432, Điều 433 Điều 440, Điều 441, Điều 445 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị V đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị L về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc anh Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng Văn H, chị Hoàng Thị V số tiền mua xi măng còn nợ là 12.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 26/01/2021 đến ngày 19/4/2022 là 1.376.000 đồng. Tổng số tiền anh Q, chị L phải trả cho anh H, chị V là 13.376.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị L phải liên đới nộp 668.800đ (sáu trăm, sáu mươi tám nghìn, tám trăm đồng) để sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị V 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/0002517 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND Tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã V;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng